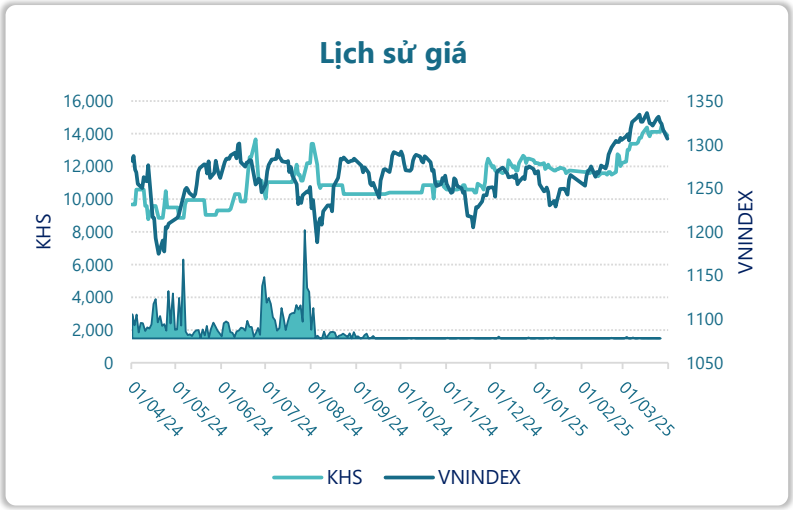
FireAnt

CTCP Kiên Hùng (HNX: KHS)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,471
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,773
SL cổ phiếu LH	12,090,969
KLGD BQ 20 phiên (CP)	66,010
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
P/E	4.0
EPS	3,517

DT thuần

Q1/25

184

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0| 18.2%

YoY: ▲ 45.0| 32.6%

LN sau thuế

Q1/25

21.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.4| 351%

YoY: ▲ 17.0| 412%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.6%

+/- YoY: ▲ 3.7%

DT thuần

2024

658

tỷ VNĐ

YoY: ▼46.0| -6.6%

LN sau thuế

2024

17.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.3| 267%

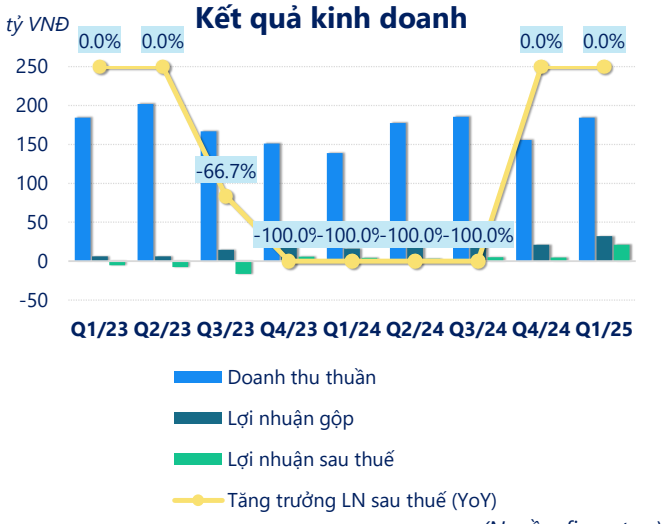
ROE

2024

11.9%

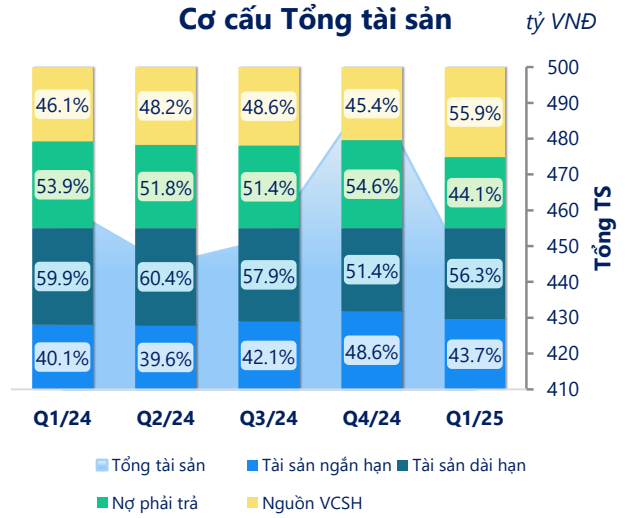
+/- YoY: ▲ 11.4%

Kết quả kinh doanh



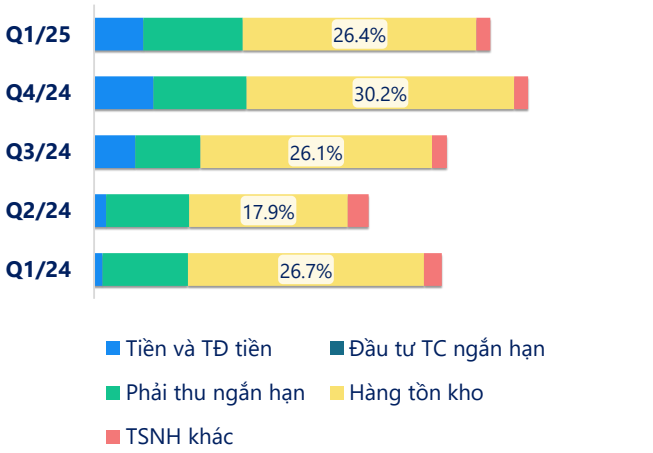
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



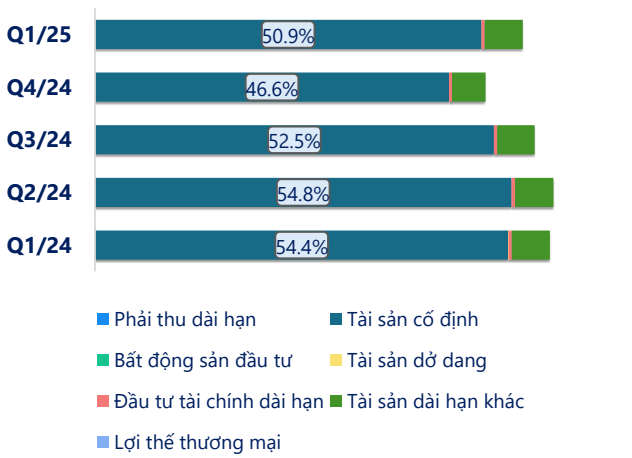
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



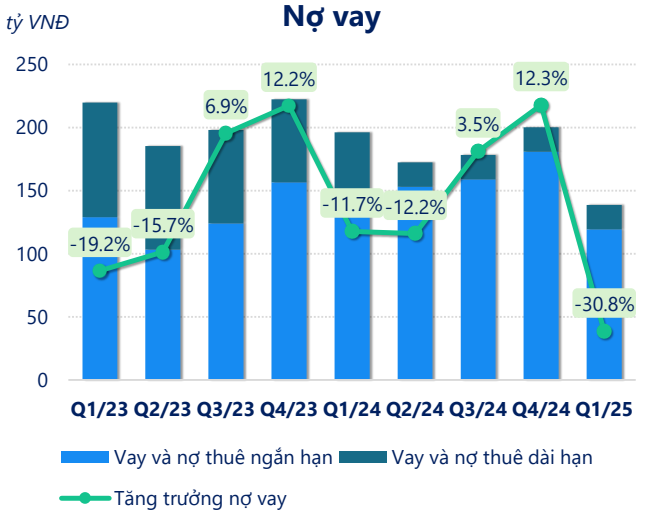
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



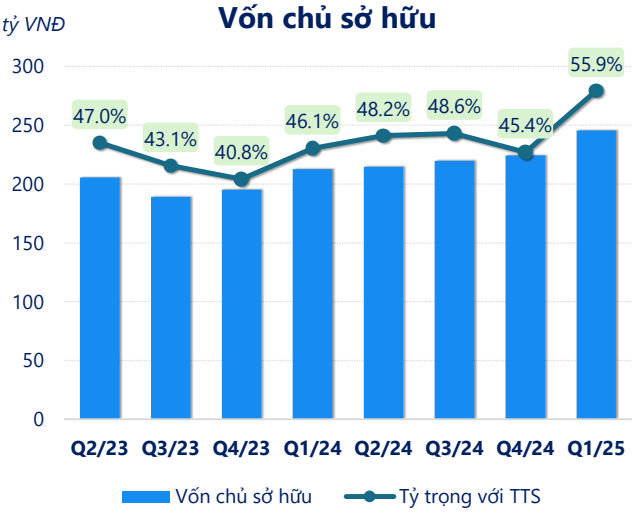
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



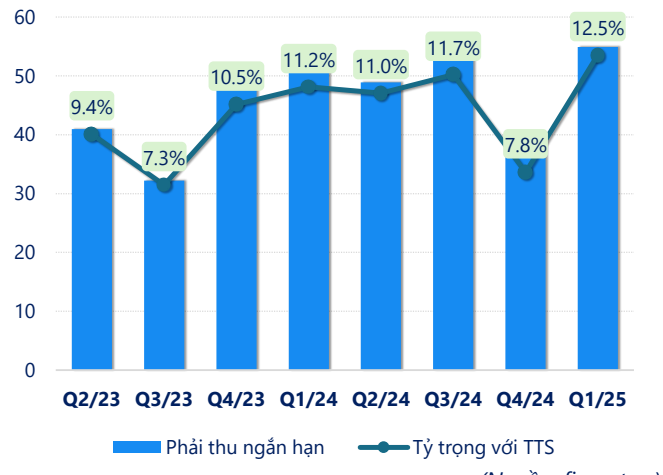
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



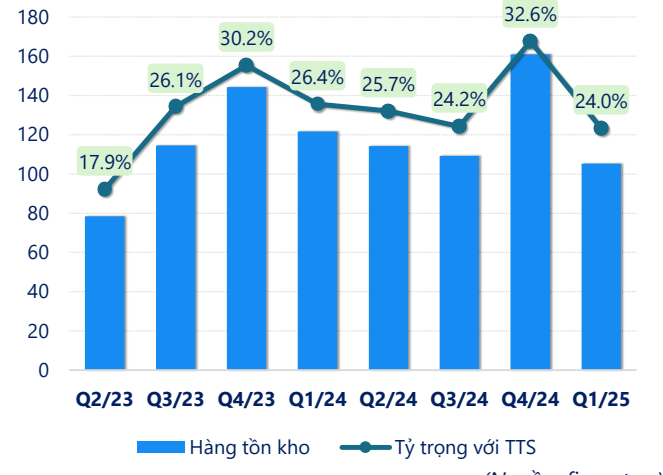
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



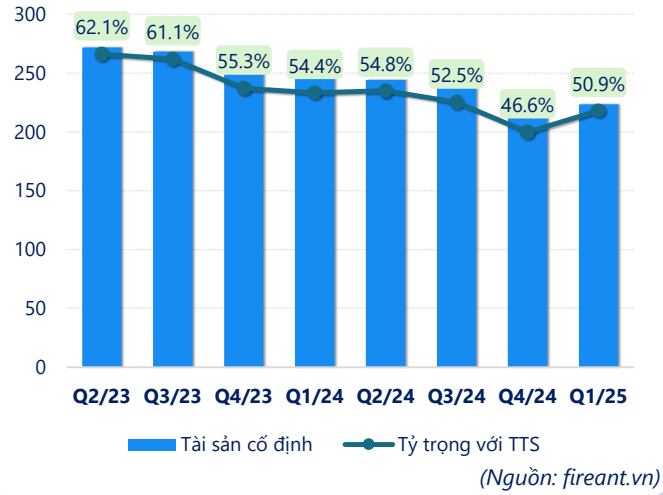
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



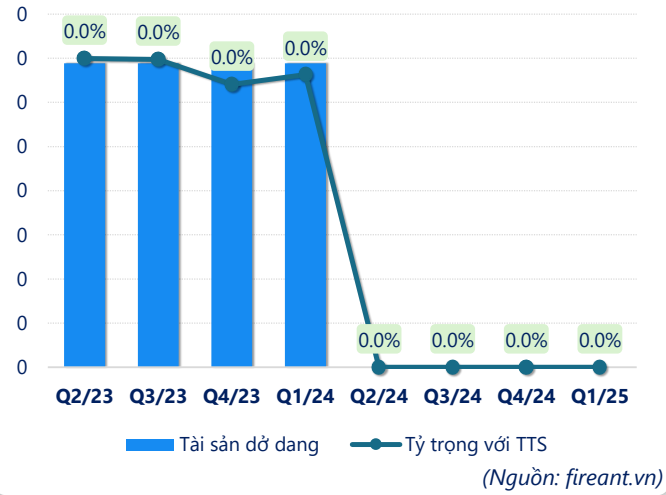
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



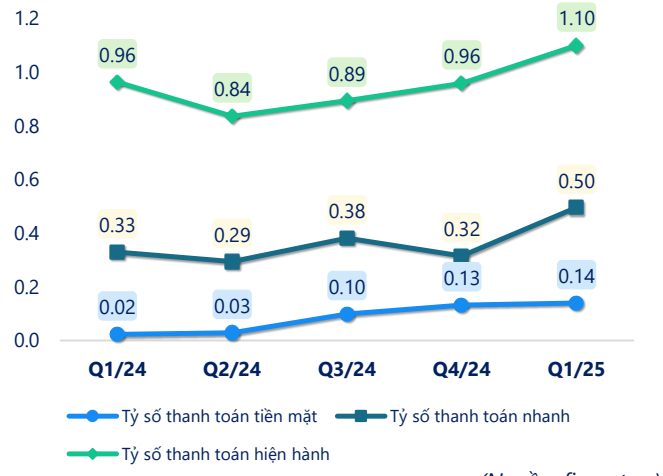
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



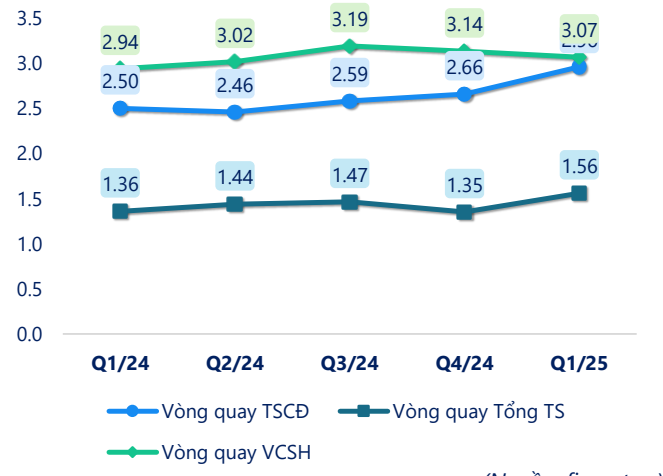
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**461**	**445**	**452**	**494**	**439**
Tài sản ngắn hạn	**185**	**176**	**190**	**240**	**192**
Tiền và tương đương tiền	4.39	6.05	21.1	33.0	24.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	51.8	48.9	52.9	38.8	54.9
Hàng tồn kho	122	114	109	161	105
Tài sản ngắn hạn khác	7.15	7.14	7.16	7.09	7.22
Tài sản dài hạn	**276**	**269**	**262**	**254**	**247**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	251	244	237	230	223
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.07	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	23.2	22.6	22.2	21.9	22.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**249**	**230**	**232**	**270**	**194**
Nợ ngắn hạn	**192**	**211**	**213**	**250**	**174**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	140	153	159	181	119
Phải trả người bán ngắn hạn	31.3	28.8	27.3	37.2	31.2
Nợ dài hạn	56.5	19.3	19.3	19.3	19.3
Vay và nợ thuê dài hạn	56.5	19.3	19.3	19.3	19.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**213**	**215**	**220**	**224**	**245**
Vốn chủ sở hữu	**213**	**215**	**220**	**224**	**245**
Vốn điều lệ	121	121	121	121	121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)